

Bản án số: 18/2017/HSST

Ngày: 07-11-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI – TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Xuân Trường

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà: Đỗ Hà Thành

2. Ông: Nguyễn Văn An

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa :*** Bà Nguyễn Thị Hà Chi – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Tú – Kiểm
sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 07 tháng 11 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ -
tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2017/HSST
ngày 18 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

+ Họ và tên: **Nguyễn Đình T** (Tên gọi khác: không) – Sinh năm: 1973; Tại:
Bắc Giang;

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A - thị trấn Đ - huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng;

Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: không nghề;

Con ông Nguyễn Đình Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị T – Sinh năm 1946;

Vợ Nguyễn Thị H - sinh năm 1977 (đã ly hôn)

Bị cáo có 01 người con sinh năm 1996.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/7/2017 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại
nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (*Có mặt tại phiên tòa*).

* **Người bị hại:** Chị Ka H – sinh năm 1988.

Trú tại: Tổ dân phố B - thị trấn Đ - huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng (*Vắng mặt, có
đơn xin xét xử vắng mặt*)

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Để có tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 10 giờ ngày 18/11/2014, Vũ Tiến T1, Nguyễn Văn P và Nguyễn Đình T rủ nhau đi từ nhà Nguyễn V (tên gọi khác là Ngh) thuộc ấp A – xã P – huyện T – tỉnh Đồng Nai lên khu vực thị trấn Đ để trộm cắp xe máy. T dùng xe máy nhãn hiệu Jupiter của T chở P và T1 đi dọc Quốc lộ 20 hướng từ thị trấn T lên thị trấn Đ để tìm xe sơ hở trộm cắp. Khi đi đến chốt Bảo vệ Ban quản lý rừng Nam Huoai thuộc địa phận tổ dân phố B - thị trấn Đ - huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng thì T1 bảo T dừng xe lại để đi vệ sinh. Trong khi T1 đi vệ sinh thì T và P phát hiện 01 xe máy nhãn hiệu Deam biển số 99F7 – V của chị Ka H, trú tại tổ dân phố B - thị trấn Đ - huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng dựng xe tại đây để đi bẻ măng, T và P gọi T1 qua để lấy chiếc xe này. T1 liền lấy cục đá đập phá ổ khóa đang khóa xích ở bánh xe, sau khi phá khóa xong thì P điều khiển xe vừa trộm cắp được còn T chở T1 rồi cả ba cùng đi về xã P – huyện T – tỉnh Đồng Nai. Sau đó T1 và P điều khiển xe vừa trộm cắp được đến cửa tiệm sửa xe của Phạm Văn G ở ấp C – xã P – T – Đồng Nai bán cho G với giá 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng). Dù biết đây là xe do T1 và P trộm cắp được mà có nhưng G vẫn mua, số tiền bán xe được P chia cho T 100.000đ (một trăm nghìn đồng), còn T1 và P mỗi người 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi mua xe của P thì G đã tháo khung, sườn của xe đến tiệm ve chai của ông Nguyễn Minh Đ bán ve chai. Khi đến bán khung xe thì G thấy trong kho phế liệu của ông Đ có 01 khung xe máy kiểu Dream còn sử dụng tốt nên G đã đổi khung xe 99F7 – V lấy khung xe trong kho của ông Đ và mang về lắp vào xe 99F7 – V.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 03/12/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng thì 01 xe mô tô biển số 99F7 – V có giá trị là 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngày 02/4/2015 Vũ Tiến T1, Nguyễn Văn P đã bị Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, Phạm Văn G bị xét xử về tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” còn Nguyễn Đình T do bỏ trốn nên Cơ quan điều tra đã ra lệnh truy nã. Đến ngày 05/7/2017 thì bị cáo Nguyễn Đình T bị Công an thành phố Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng bắt quả tang khi đang mua bán trái phép chất ma túy.

Tại bản cáo trạng số 17/ KSĐT-KT ngày 16 tháng 10 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T từ 09 đến 12 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận:

Khoảng 10 giờ ngày 18/11/2014 Nguyễn Đình T cùng Vũ Tiến T1 và Nguyễn Văn P cùng thống nhất đi trộm cắp tài sản. Bị cáo T dùng xe máy nhãn hiệu Jupiter của T chở P và T1 đi dọc Quốc lộ 20 hướng từ thị trấn T lên thị trấn Đ để tìm xe máy sơ hở trộm cắp. Khi đi đến chốt Bảo vệ Ban quản lý rừng Nam Huoai thuộc địa phận tổ dân phố B - thị trấn Đ - huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng thì T1 bảo T dừng xe lại để đi vệ sinh. Sau khi phát hiện 01 xe máy nhãn hiệu Deam biển số 99F7 – V của chị Ka H dựng xe tại đây không có người trông coi thì T, T1, P cùng thống nhất trộm cắp xe máy này, T1 liền lấy cục đá đập phá ổ khóa đang khóa xích ở bánh xe, sau khi phá khóa xong T, T1, P đã lên lút chiếm đoạt 01 xe máy nhãn hiệu Deam biển số 99F7 – V thì P điều khiển xe vừa trộm cắp được còn T chở T1 rồi cả ba cùng đi về xã P – huyện T – tỉnh Đồng Nai để bán xe vừa trộm cắp. Sau đó T1 và P điều khiển xe vừa trộm cắp được đi bán, số tiền bán xe thì T được chia 100.000đ (một trăm nghìn đồng). Sau đó bị cáo Nguyễn Đình T bỏ đi khỏi địa phương, đến ngày 05/7/2017 thì bị cáo bị bắt và bị cáo biết bị cáo đang bị truy nã còn Vũ Tiến T1, Nguyễn Văn P đã bị bắt và xét xử về tội trộm cắp tài sản, Phạm Văn G đã bị xét xử về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 03/12/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng thì 01 xe mô tô biển số 99F7 – V có giá trị là 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng biên bản sự việc, tang vật đã được phản ánh trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo Nguyễn Đình T cùng với Vũ Tiến T1, Nguyễn Văn P đã cùng thống nhất thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, T1 đã dùng cục đá đập phá ổ khóa đang khóa xích ở bánh xe, sau đó Nguyễn Đình T, Vũ Tiến T1, Nguyễn Văn P đã cùng lên lút chiếm đoạt 01 xe máy biển số 99F7 – V nhãn hiệu Deam của chị Ka H có trị giá là 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng) sau đó đem xuống xã P – huyện T – tỉnh Đồng Nai bán cho Phạm Văn G với giá 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng). Sau khi bán được xe thì chia cho T 100.000đ (một trăm nghìn đồng) còn T1 và P mỗi người được chia 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng). Do đó đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Đình T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Trong vụ án này, các bị cáo là đồng phạm giản đơn, tuy không có bàn bạc phân công cụ thể mà chỉ cùng nhau thống nhất đi trộm cắp sau đó các bị cáo tự chuẩn bị phương tiện phạm tội là xe máy và cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vũ Tiến T1 và Nguyễn Văn P đã bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, Phạm Văn G đã bị xét xử về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Riêng bị cáo Nguyễn Đình T bỏ trốn, đến ngày 05/7/2017 thì bị bắt và nay bị đưa ra xét xử về hành vi phạm tội trên.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bị cáo là người trưởng thành, có sức khỏe nhưng không lo làm ăn mà lại lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu đã trộm cắp chiếm đoạt tài sản nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo, gây ảnh hưởng xấu tới trật tự tại địa phương, ảnh hưởng đến việc làm ăn của người khác vì không có xe máy để làm phương tiện đi lại. Bị cáo nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Sau khi trộm cắp tài sản, bị cáo bỏ trốn bị truy nã, gây khó khăn cho công tác điều tra. Điều đó thể hiện bị cáo là kẻ coi thường pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

- Về vật chứng vụ án:

+ 01 xe mô tô biển số 99F7 – V, nhãn hiệu Deam. Trong đó phần máy có số máy 150FMG02260394, nhãn hiệu Deam và các phụ tùng của xe mô tô biển số 99F7 – V thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Ka H, trú tại tổ dân phố B - thị trấn Đ - huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng. Hiện tài sản này đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Đ trả lại cho chị Ka H theo đúng quy định của pháp luật. Còn phần khung có số khung: UM7X065795 do không phải là của xe mô tô biển số 99F7 – V nên đã được xử lý tại bản án hình sự sơ thẩm số 06/2015/HSST ngày 02/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

+ Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Jupiter mà Nguyễn Đình T dùng để làm phương tiện chở Vũ Tiến T1 và Nguyễn Văn P đi trộm cắp tài sản, T không nhớ biển số. Do thiếu tiền tiêu xài nên T đã bán. Thời gian quá lâu nên T không nhớ bán cho ai, ở đâu. Vì vậy cơ quan điều tra không thể thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì người bị hại là chị Ka H đã có đơn không yêu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

- Về biện pháp tư pháp:

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Đình T được chia 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) từ số tiền bán xe máy đã trộm cắp được. Đây là số tiền do việc phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Về án phí:

Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm của vụ án là có cơ sở và đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2017 (ngày bị cáo bị bắt tạm giam).

2. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Đình T nộp lại số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 07/11/2017) bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xin xét xử phúc thẩm. Người bị hại vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS, CA huyện Đ;
- Người bị hại;
- Bị cáo;
- Lưu THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đinh Xuân Trường